

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN

Số: 06/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Kạn, ngày 21 tháng 02 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện các công trình, dự án năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 25 (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Xét Tờ trình số 15/TTr-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện các công trình, dự án năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Báo cáo thẩm tra số 14/BC-HĐND ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện các công trình, dự án năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn với tổng diện tích 8,675 ha, trong đó: rừng tự nhiên 1,434 ha; rừng trồng 7,241 ha.

(Chi tiết tại phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định.
- Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ 25 (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 21 tháng 02 năm 2025./. *nh*

Nơi nhận: *nh*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VPCP, VPCTN;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- TT. Tỉnh ủy, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện (Thành) ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- LĐVP;
- Các phòng thuộc Văn phòng;
- Lưu: VT. *nh*

CHỦ TỊCH



Phương Thị Thanh

Phụ lục
DIỆN TÍCH, VỊ TRÍ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC
(Kèm theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Loại rừng (Phân theo mục đích sử dụng)	Diện tích (ha)			Vị trí (Đơn vị hành chính, lô, khoảnh, tiểu khu)
		Tổng	Nguồn gốc hình thành		
			Rừng trồng	Rừng tự nhiên	
1	2	3	4	5	6
I	Dự án Sửa chữa, mở rộng chợ bò xã Nghiên Loan, huyện Pác Nặm				
1	Rừng đặc dụng				Tại các lô 2, 3, khoảnh 9, tiểu khu 38 thuộc xã Nghiên Loan, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn
2	Rừng phòng hộ				
3	Rừng sản xuất	0,47	0,47		
4	Rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp				
Cộng dự án		0,470	0,470	0	
II	Dự án Đường Khuổi Khon - Khuổi Ổ				
1	Rừng đặc dụng				Tại các lô 2, 4, 5, 7, 11, 13, 14, 15, 18, 19 khoảnh 2, tiểu khu 14 thuộc xã Nhạn Môn, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn
2	Rừng phòng hộ				
3	Rừng sản xuất	0,43	0,43		
4	Rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng	0,06	0,06		
Cộng dự án		0,490	0,490	0,00	

TT	Loại rừng (Phân theo mục đích sử dụng)	Diện tích (ha)			Vị trí (Đơn vị hành chính, lô, khoảnh, tiểu khu)
		Tổng	Nguồn gốc hình thành		
			Rừng trồng	Rừng tự nhiên	
1	2	3	4	5	6
III	Dự án bố trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn thôn Nà Hối, xã Phúc Lộc, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn				
1	Rừng đặc dụng				Tại các lô 1, 2, 5, 6, 7, 8, 10, 11, 13, 14, 15, 17, 18, 20, 21, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 30, 31, 32, 35, 36, 39, 40, 43, 44 khoảnh 9, tiểu khu 38 thuộc xã Phúc Lộc, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn
2	Rừng phòng hộ				
3	Rừng sản xuất	2,85	2,85		
4	Rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng	1,46	1,46		
Cộng dự án		4,310	4,310	0,00	
IV	Dự án thủy điện Nậm Cắt 2				
1	Rừng đặc dụng				Tại lô 16 khoảnh 5 tiểu khu 361; các lô 2, 6, 7, 9, 10, 11, 13, 18 khoảnh 6 tiểu khu 361 và lô 2 khoảnh 3 tiểu khu 366 thuộc xã Đôn Phong, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn
2	Rừng phòng hộ	1,12	0,48	0,64	
3	Rừng sản xuất				
4	Rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng	0,55	0,55		
Cộng dự án		1,670	1,030	0,640	

TT	Loại rừng (Phân theo mục đích sử dụng)	Diện tích (ha)			Vị trí (Đơn vị hành chính, lô, khoảnh, tiểu khu)
		Tổng	Nguồn gốc hình thành		
			Rừng trồng	Rừng tự nhiên	
1	2	3	4	5	6
V	Dự án Cụm công nghiệp Thanh Thịnh, xã Thanh Thịnh, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn (phần bổ sung)				
1	Rừng đặc dụng				Tại các lô 27, 44, 56, khoảnh 6, tiểu khu 431 thuộc xã Thanh Thịnh, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn
2	Rừng phòng hộ				
3	Rừng sản xuất	0,71		0,71	
4	Rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng				
Cộng dự án		0,710	0,00	0,710	
VI	Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật cơ bản các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (phần diện tích bổ sung)				
1	Rừng đặc dụng				- Tại các lô 1, 2, 3, 4, 5, 7, 10 khoảnh 1 tiểu khu 221 thuộc xã Trần Phú, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn. - Tại lô 10 khoảnh 2 tiểu khu 297 và các lô 1, 2 khoảnh 3 tiểu khu 297 thuộc thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. - Tại các lô 2, 3 khoảnh 11 tiểu khu 289 thuộc xã Ngọc Phái, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.
2	Rừng phòng hộ				
3	Rừng sản xuất	0,7795	0,7795		
4	Rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng	0,0015	0,0015		
Cộng dự án		0,781	0,781	0,00	

TT	Loại rừng (Phân theo mục đích sử dụng)	Diện tích (ha)			Vị trí (Đơn vị hành chính, lô, khoảnh, tiểu khu)
		Tổng	Nguồn gốc hình thành		
			Rừng trồng	Rừng tự nhiên	
1	2	3	4	5	6
VII	Công trình xử lý sạt lở trường Mầm non Yên Thịnh				
1	Rừng đặc dụng				Tại các lô 1, 3, 4 khoảnh 9, tiểu khu 288 thuộc xã Yên Thịnh, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn
2	Rừng phòng hộ				
3	Rừng sản xuất	0,105	0,021	0,084	
4	Rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng				
Cộng dự án		0,105	0,021	0,084	
VIII	Công trình Hót đất sạt và kè bảo vệ Trường Mầm non Quảng Bạch				
1	Rừng đặc dụng				Tại các lô 1, 2, 3 khoảnh 3, tiểu khu 263 thuộc xã Quảng Bạch, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn
2	Rừng phòng hộ				
3	Rừng sản xuất	0,139	0,139		
4	Rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng				
Cộng dự án		0,139	0,139	-	
Tổng cộng		8,675	7,241	1,434	

Ghi chú:

- Loại rừng (*Phân theo mục đích sử dụng*) theo bản đồ Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2025.
- Lô, khoảnh, tiểu khu theo bản đồ hiện trạng rừng tỷ lệ 1/5.000 kèm theo báo cáo đánh giá hiện trạng rừng chuyển mục đích sử dụng đã được Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định.